

**PHỤ LỤC 01: CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 56/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết KH năm 2022		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/12/2021		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh đề xuất qua tại Kỳ họp cuối năm 2022		Dự kiến KH ĐTC 2023 tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 21/7/2022		Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công 2023 đề xuất tại Kỳ họp cuối năm 2022				Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>361,282</b>	<b>330,191</b>	<b>1,006,810</b>	<b>981,816</b>	<b>979,222</b>	<b>922,185</b>	<b>137,155</b>	<b>137,155</b>	<b>24,340</b>	<b>55,635</b>	<b>156,550</b>	<b>110,200</b>	<b>33,500</b>	<b>12,850</b>	
<b>A</b>	<b>NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NSDP (CẤP HUYỆN)</b>	<b>34</b>		<b>53,568</b>	<b>37,905</b>	<b>35,767</b>	<b>5,240</b>	<b>48,729</b>	<b>27,229</b>	<b>55,953</b>	<b>22,194</b>	<b>12,155</b>	<b>12,155</b>	<b>2,300</b>	<b>2,995</b>	<b>12,850</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12,850</b>	
<b>I</b>	<b>Giáo dục</b>			<b>52,568</b>	<b>36,905</b>	<b>35,767</b>	<b>5,240</b>	<b>43,729</b>	<b>22,229</b>	<b>50,953</b>	<b>17,194</b>	<b>11,155</b>	<b>11,155</b>	<b>2,300</b>	<b>2,995</b>	<b>11,850</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11,850</b>	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022			<b>14,901</b>	<b>14,901</b>	<b>11,767</b>	<b>3,486</b>	<b>14,901</b>	<b>7,401</b>	<b>14,949</b>	<b>6,612</b>	<b>5,400</b>	<b>5,400</b>	<b>2,300</b>	<b>0</b>	<b>3,100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3,100</b>	
1	Xây dựng nhà 12 lớp học trường mầm non 8/3	2021-2023	3072a/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	14,901	14,901	11,767	3,486	14,901	7,401	14,949	6,612	5,400	5,400	2,300		3,100			3,100	giảm KHV 2023 do đã thực hiện điều hoà KHV 2022
(2)	Các dự án hoàn thành trong năm 2023			<b>28,828</b>	<b>14,828</b>	<b>22,000</b>	<b>1,754</b>	<b>28,828</b>	<b>14,828</b>	<b>28,828</b>	<b>6,582</b>	<b>4,000</b>	<b>4,000</b>	<b>0</b>	<b>750</b>	<b>4,750</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4,750</b>	
1	Trường mầm non 19/5	2021-2023	2150/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	28,828	14,828	22,000	1,754	28,828	14,828	28,828	6,582	4,000	4,000		750	4,750			4,750	đề xuất tăng 2 tỷ KHV 2022
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023			<b>8,839</b>	<b>7,176</b>	<b>2,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7,176</b>	<b>4,000</b>	<b>1,755</b>	<b>1,755</b>	<b>0</b>	<b>2,245</b>	<b>4,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4,000</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Quảng Lạc đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	2022-2023	3023a/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	8,839	7,176	2,000	0			7,176	4,000	1,755	1,755		2,245	4,000			4,000	Vốn NTM năm 2023: 828tr; vốn đối ứng thực hiện CTMTQG XD NTM
<b>II</b>	<b>Giao thông</b>			<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5,000</b>	<b>5,000</b>	<b>5,000</b>	<b>5,000</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,000</b>	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2023			<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5,000</b>	<b>5,000</b>	<b>5,000</b>	<b>5,000</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,000</b>	
1	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT			1,000	1,000		0	5,000	5,000	5,000	5,000	1,000	1,000		0	1,000			1,000	
<b>B</b>	<b>VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (CẤP HUYỆN)</b>					<b>321,184</b>	<b>320,620</b>	<b>943,181</b>	<b>930,079</b>	<b>896,903</b>	<b>873,626</b>	<b>105,800</b>	<b>105,800</b>	<b>18,890</b>	<b>48,620</b>	<b>135,530</b>	<b>102,030</b>	<b>33,500</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Giáo dục</b>					<b>0</b>	<b>0</b>	<b>45,782</b>	<b>32,680</b>	<b>66,212</b>	<b>42,934</b>	<b>1,100</b>	<b>1,100</b>	<b>900</b>	<b>1,070</b>	<b>1,270</b>	<b>0</b>	<b>1,270</b>	<b>0</b>	
(1)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2023			<b>27,212</b>	<b>26,384</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12,757</b>	<b>9,487</b>	<b>27,212</b>	<b>6,934</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>0</b>	<b>1,070</b>	<b>1,270</b>	<b>0</b>	<b>1,270</b>	<b>0</b>	
1	Cải tạo, mở rộng điểm trường Bán Nhàng, trường Tiểu học Quảng Lạc	2023-2024		12,757	12,757			12,757	9,487	12,757	3,610	200	200			200			200	
2	Cải tạo, mở rộng trường Mầm non Mai Pha	2023-2024		9,500	9,500					9,500	2,324				200	200			200	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/12/2021		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh đề xuất qua tại Kỳ họp cuối năm 2022		Dự kiến KH ĐTC 2023 tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 21/7/2022		Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công 2023 đề xuất tại Kỳ họp cuối năm 2022				Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:												Vốn thu từ sử dụng đất	dự kiến tăng thu sử dụng đất	XDCB tập trung	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Mai Pha	2023-2024		4,955	4,127					4,955	1,000				870	870		870	0	Vốn NTM 2023: 828trđ; vốn đối ứng thực hiện CTMTQG XD NTM
(2)	<b>Giảm danh mục dự án</b>			<b>102,617</b>	<b>102,617</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>33,025</b>	<b>23,193</b>	<b>39,000</b>	<b>36,000</b>	<b>900</b>	<b>900</b>	<b>900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Dự án xây dựng trường THCS Lương Thế Vinh	2023-2025		75,000	75,000			30,000	20,168	30,000	28,000	500	500	500						Chưa xác định được địa điểm
2	Cải tạo, mở rộng trường Tiểu học Hoàng Đồng (điểm trường Khuổi Khuộc)	2023-2024		1,608	1,608			1,608	1,608			200	200	200						Chuyển vốn sự nghiệp
3	Cải tạo, mở rộng trường Tiểu học Lê Văn Tám (điểm trường Nà Đon)	2023-2024		1,417	1,417			1,417	1,417			200	200	200						Chuyển vốn sự nghiệp
4	Trường Tiểu học Chi Lăng 2			24,592	24,592					9,000	8,000					0		0		
<b>II</b>	<b>Văn hóa</b>			<b>108,889</b>	<b>8,889</b>	<b>4,130</b>	<b>3,296</b>	<b>6,690</b>	<b>6,690</b>	<b>37,955</b>	<b>37,955</b>	<b>1,100</b>	<b>1,100</b>	<b>150</b>	<b>2,050</b>	<b>3,000</b>	<b>3,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
(1)	<b>Các dự án hoàn thành trong năm 2023</b>			<b>6,889</b>	<b>6,889</b>	<b>4,130</b>	<b>3,296</b>	<b>6,690</b>	<b>6,690</b>	<b>5,955</b>	<b>5,955</b>	<b>1,100</b>	<b>1,100</b>	<b>150</b>	<b>1,450</b>	<b>2,400</b>	<b>2,400</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Nhà văn hoá thôn Hoàng Tân, xã Hoàng Đồng	2022-2023	1174a/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	2,308	2,308	1,334	500	2,209	2,209	1,474	1,474	1,100	1,100	150		950	950			Vốn NTM 2022: 834 trđ; vốn đối ứng thực hiện CTMTQG XD NTM
3	Tu bổ di tích khảo cổ học xã Mai Pha, tỉnh Lạng Sơn	2020-2022	2589/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	4,581	4,581	2,796	2,796	4,481	4,481	4,481	4,481	0	0		1,450	1,450	1,450			
(2)	<b>Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2023</b>			<b>102,000</b>	<b>2,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>32,000</b>	<b>32,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>600</b>	<b>600</b>	<b>600</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Nhà văn hoá, sân thể thao thôn Quảng Trung 3, xã Quảng Lạc			2,000	2,000	0	0			2,000	2,000	0	0		300	300	300			Không có trong NQ45; đề xuất bổ sung danh mục dự án năm 2023
2	Chỉnh trang khuôn viên từ cửa sau hang Nhị Thanh đến hang Tam Thanh (GPMB và chỉnh trang)	2023-2025		100,000	0	0	0	0	0	30,000	30,000	0	0	0	300	300	300	0	0	
<b>III</b>	<b>Y tế</b>			<b>5,751</b>	<b>5,751</b>	<b>5,745</b>	<b>5,745</b>	<b>4,650</b>	<b>4,650</b>	<b>7,762</b>	<b>7,762</b>	<b>3,550</b>	<b>3,550</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>3,500</b>	<b>3,500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
(1)	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</b>			<b>5,751</b>	<b>5,751</b>	<b>5,745</b>	<b>5,745</b>	<b>4,650</b>	<b>4,650</b>	<b>7,762</b>	<b>7,762</b>	<b>3,550</b>	<b>3,550</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>3,500</b>	<b>3,500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Trạm y tế phường Tam Thanh	2019-2022	3707a/QĐ-UBND ngày 25/9/2019	5,751	5,751	5,745	5,745	4,650	4,650	7,762	7,762	3,550	3,550	50	0	3,500	3,500			
<b>III</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>			<b>9,500</b>	<b>9,500</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>9,533</b>	<b>9,533</b>	<b>9,140</b>	<b>9,140</b>	<b>4,000</b>	<b>4,000</b>	<b>1,800</b>	<b>500</b>	<b>2,700</b>	<b>2,700</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
(1)	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</b>			<b>5,500</b>	<b>5,500</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>5,533</b>	<b>5,533</b>	<b>5,140</b>	<b>5,140</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>0</b>	<b>500</b>	<b>2,500</b>	<b>2,500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/12/2021		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh đề xuất qua tại Kỳ họp cuối năm 2022		Dự kiến KH ĐTC 2023 tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 21/7/2022		Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công 2023 đề xuất tại Kỳ họp cuối năm 2022				Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:												Vốn thu từ sử dụng đất	dự kiến tăng thu sử dụng đất	XDCB tập trung	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Hỗ trợ xây dựng Trụ sở công an xã Hoàng Đông	2022-2023		5,500	5,500	1,000	1,000	5,533	5,533	5,140	5,140	2,000	2,000		500	2,500	2,500			đã trình điều chỉnh giám KHV 2022: 800tr
(2)	<b>Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2023</b>			<b>4,000</b>	<b>4,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4,000</b>	<b>4,000</b>	<b>4,000</b>	<b>4,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>1,800</b>	<b>0</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Hỗ trợ xây dựng Trụ sở công an xã Quảng Lạc	2022-2023		4,000	4,000	0	0	4,000	4,000	4,000	4,000	2,000	2,000	1,800		200	200			
IV	<b>Hoạt động kinh tế</b>			<b>497,914</b>	<b>483,014</b>	<b>278,369</b>	<b>278,369</b>	<b>715,327</b>	<b>715,327</b>	<b>775,835</b>	<b>775,835</b>	<b>83,550</b>	<b>83,550</b>	<b>15,990</b>	<b>43,130</b>	<b>110,690</b>	<b>81,830</b>	<b>28,860</b>	<b>0</b>	
(1)	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</b>			<b>139,688</b>	<b>124,788</b>	<b>90,996</b>	<b>90,996</b>	<b>76,956</b>	<b>76,956</b>	<b>79,722</b>	<b>79,722</b>	<b>10,570</b>	<b>10,570</b>	<b>3,800</b>	<b>4,000</b>	<b>10,770</b>	<b>10,770</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Kè suối Lao Ly	2018-2022	4125/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	85,616	85,616	60,229	60,229	46,587	46,587	46,587	46,587	8,000	8,000	3,800		4,200	4,200			đề xuất giám 2 tỷ KHV 2022
2	Hạ tầng khu dân cư khối 8, phường Đông Kinh	2019 - 2022	1065/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	24,272	24,272	16,437	16,437	16,069	16,069	18,836	18,836	2,000	2,000		4,000	6,000	6,000			dự kiến QT quý I năm 2023
3	Hệ thống thoát nước cho Khu đô thị mới phía đông, thành phố Lạng Sơn	2020-2022	2438/QĐ-UBND ngày 30/9/2020	29,800	14,900	14,330	14,330	14,300	14,300	14,300	14,300	570	570			570	570			
(2)	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</b>			<b>133,913</b>	<b>133,913</b>	<b>77,390</b>	<b>77,390</b>	<b>287,797</b>	<b>287,797</b>	<b>287,764</b>	<b>287,764</b>	<b>42,900</b>	<b>42,900</b>	<b>8,300</b>	<b>8,720</b>	<b>43,320</b>	<b>37,760</b>	<b>5,560</b>	<b>0</b>	
1	Công tác đo đạc chỉnh lý, đo vẽ lại bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...					23,473	23,473	161,200	161,200	161,200	161,200	12,500	12,500		1,870	14,370	11,000	3,370		
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khối 9, phường Vĩnh Trại (Ao Cạn - Bãi Than)	2021-2022	3207/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	4,322	4,322	2,263	2,263	4,197	4,197	4,197	4,197	200	200		1,200	1,400	1,400			
3	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư Mỹ Sơn	2020-2023	1992/QĐ-UBND ngày 20/9/2020	29,946	29,946	8,125	8,125	27,822	27,822	27,822	27,822	7,000	7,000	2,000		5,000	5,000			
4	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên Hồ Phai Loạn	2021-2023	3262/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	73,577	73,577	32,929	32,929	73,277	73,277	73,277	73,277	15,000	15,000	6,300		8,700	8,700	0		
5	Xây dựng các tuyến đường đối ngoại giáp Nhà ở xã hội 2 và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư liền kề, thành phố Lạng Sơn	2021-2022	3628/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	14,737	14,737	4,000	4,000	14,737	14,737	14,737	14,737	4,000	4,000		5,650	9,650	7,460	2,190		
6	Cải tạo, mở rộng cảnh quan khuôn viên trước cửa hàng Tam Thanh, Phường Tam Thanh	2019-2022	4101/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 4315a/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	11,331	11,331	6,600	6,600	6,564	6,564	6,531	6,531	4,200	4,200		0	4,200	4200	0		đề xuất chuyển sang danh mục dự án hoàn thành năm 2023 do vướng mặt bằng
(3)	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>					<b>93,287</b>	<b>93,287</b>	<b>184,735</b>	<b>184,735</b>	<b>207,292</b>	<b>207,292</b>	<b>14,890</b>	<b>14,890</b>	<b>1,000</b>	<b>15,110</b>	<b>29,000</b>	<b>24,000</b>	<b>5,000</b>	<b>0</b>	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/12/2021		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh đề xuất qua tại Kỳ họp cuối năm 2022		Dự kiến KH ĐTC 2023 tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 21/7/2022		Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công 2023 đề xuất tại Kỳ họp cuối năm 2022				Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:												Vốn thu từ sử dụng đất	dự kiến tăng thu sử dụng đất	XDCB tập trung	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Dự án Công viên bờ sông Kỳ Cùng (đoạn từ cầu Đông Kinh đến đối diện khách sạn Đông Kinh)	2021-2024	1354/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	214,365		60,000	60,000	106,567	106,567	106,567	106,567	0	0		10,000	10,000	5,000	5,000		Phát sinh điều chỉnh thiết kế đường Nguyễn Du, đề xuất bổ sung danh mục đầu tư 2023
2	Dự án Nút giao thông số 7A, khu đô thị Phú Lộc IV	2022-2023	1037/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	21,572	3,072	1,000	1,000	4,831	4,831	3,072	3,072	1,000	1,000		500	1,500	1,500			Bổ sung vốn để QT 2023
3	Khu tái định cư Phú Lộc IV - Điểm tái định cư tiếp giáp nút giao thông số 4	2013-2022	155/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	40167	40167	19,262	19,262	600	600	2,600	2,600	2000	2000		0	2,000	2,000			
4	Tiểu khu tái định cư khối 9, phường Vĩnh Trại	2017-2022	4102/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	46,243	46,243	4,525	4,525	42,317	42,317	42,317	42,317	2,000	2,000	1,000	0	1,000	1,000			
5	Cải tạo, mở rộng cảnh quan khuôn viên trước cửa hàng Chùa Tiên	2022-2024	1809/QĐ-UBND ngày 26/07/2022	21,423	21,423	6,000	6,000			22,316	22,316	2,890	2,890		1,610	4,500	4,500			Đề xuất giám KHV 2022: 5.650 triệu đồng do không phê duyệt được PA GPMB; đề xuất tăng KHV 2023
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Trần Quang Khai, phường Chi Lăng	2021-2023	4130/QĐ-UBND ngày 05/11/2021	30,420	30,420	2,500	2,500	30,420	30,420	30,420	30,420	7,000	7,000		3,000	10,000	10,000			
<b>(4)</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2023</b>			<b>164,156</b>	<b>164,156</b>	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>	<b>129,622</b>	<b>129,622</b>	<b>149,840</b>	<b>149,840</b>	<b>12,000</b>	<b>12,000</b>	<b>0</b>	<b>14,800</b>	<b>26,800</b>	<b>8,500</b>	<b>18,300</b>	<b>0</b>	
1	Chỉnh trang hệ thống vỉa hè điện chiếu sáng, trang trí phường Chi Lăng	2023-2025		50,638	50,638	500	500	50,000	50,000	50,700	50,700	4,000	4,000		5,800	9,800	2,000	7,800		
2	Cải tạo, nâng cấp đèn chiếu sáng hiện hữu bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng trên địa bàn thành phố Lạng Sơn			72,518	72,518	500	500	53,000	53,000	72,518	72,518	5,000	5,000		7,000	12,000	4,000	8,000		
3	Xây dựng khu dân cư và cải tạo hệ thống thoát nước từ đường Đèo Giang đến cầu Ba Toa	2022-2024		41,000	41,000	500	500	26,622	26,622	26,622	26,622	3,000	3,000		2,000	5,000	2,500	2,500		
<b>(5)</b>	<b>Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2023</b>			<b>45,000</b>	<b>45,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30,000</b>	<b>30,000</b>	<b>45,000</b>	<b>45,000</b>	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>	<b>1,200</b>	<b>500</b>	<b>800</b>	<b>800</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đường Lương Văn chi (đoạn Bắc Sơn - Bà Triệu)	2023-2025		30,000	30,000	0	0	30,000	30,000	30,000	30,000				500	500	500			
2	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, đường nội bộ và hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư, dân cư khối 2 phường Vĩnh Trại			15,000	15,000	0	0			15,000	15,000	1,500	1,500	1,200		300	300			

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/12/2021		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh đề xuất qua tại Kỳ họp cuối năm 2022		Dự kiến KH ĐTC 2023 tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 21/7/2022		Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công 2023 đề xuất tại Kỳ họp cuối năm 2022				Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:												Vốn thu từ sử dụng đất	dự kiến tăng thu sử dụng đất	XDCB tập trung	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
(6)	<b>Các dự án giảm danh mục năm 2023</b>			<b>15,157</b>	<b>15,157</b>	<b>15,197</b>	<b>15,197</b>	<b>6,217</b>	<b>6,217</b>	<b>6,217</b>	<b>6,217</b>	<b>1,690</b>	<b>1,690</b>	<b>1,690</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè đường Hùng Vương	2019-2022	1207a/ngày 10/5/2021	12,413	12,413	12,257	12,257	3,473	3,473	3,473	3,473	150	150	150		0	0			đã hoàn thành thanh toán sau QT
2	Nạo vét, thanh thải lòng suối Ngoc Tuyên, bê lắng (đoạn từ cửa trước hang Tam Thanh đến cửa trước hang Nhị Thanh)	2021-2022	4042/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	2,744	2,744	2,940	2,940	2,744	2,744	2,744	2,744	1,540	1,540	1,540		0	0			QT năm 2022 không có nhu cầu sử dụng vốn 2023
<b>V</b>	<b>Trích nộp quỹ đất tỉnh</b>					<b>31,940</b>	<b>32,210</b>	<b>161,200</b>	<b>161,200</b>			<b>12,500</b>	<b>12,500</b>		<b>1,870</b>	<b>14,370</b>	<b>11,000</b>	<b>3,370</b>		
<b>C</b>	<b>NGÂN SÁCH XÃ (THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT)</b>			<b>27,592</b>	<b>27,592</b>	<b>4,331</b>	<b>4,331</b>	<b>14,900</b>	<b>24,508</b>	<b>26,366</b>	<b>26,366</b>	<b>6,700</b>	<b>6,700</b>	<b>3,150</b>	<b>4,020</b>	<b>8,170</b>	<b>8,170</b>	-	-	
1	UBND phường Đông Kinh			7,006	7,006	1,000	1,000	1,800	5,600	7,706	7,706	2,400	2,400	1,000	500	1,900	1,900	-	-	
2	UBND phường Vĩnh Trại			5,036	5,036	1,500	1,500	3,200	5,290	5,041	5,041	1,000	1,000	350	1,250	1,900	1,900	-	-	
3	UBND phường Chi Lăng			3,100	3,100	600	600	2,500	3,100	3,824	3,824	800	800	300	400	1,500	1,500	-	-	
4	UBND phường Hoàng Văn Thụ			3,000	3,000	500	500	1,100	3,018	2,580	2,580	1,000	1,000	500	500	1,000	1,000	-	-	
5	UBND xã Quảng Lạc			3,551	3,551	731	731	1,600	1,600	3,515	3,515	-	-	-	970	970	970	-	-	
6	UBND xã Hoàng Đông			1,200	1,200	-	-	-	1,200	1,200	1,200	500	500	-	-	500	500	-	-	vốn CTMTQG XD NTM: 828 trđ; vốn NSDP đối ứng 500trđ (dự án Xây dựng NVH thôn Hoàng Thanh)
7	UBND xã Mai Pha			4,700	4,700	-	-	4,700	4,700	2,500	2,500	1,000	1,000	1,000	400	400	400	-	-	

**PHỤ LỤC 02: DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ NĂM 2023**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 56/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Lạng Sơn)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế/ Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư năm 2023			Ghi chú		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						NSTW	NSDP		Vốn do nhà đầu tư tự huy động	NSTW		NSDP	Vốn do nhà đầu tư tự huy động
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ</b>				<b>331,562</b>			<b>331,562</b>	<b>265,250</b>			<b>265,250</b>	
<b>I</b>	<b>NGÀNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT - KHU ĐÔ THỊ</b>				<b>331,562</b>			<b>331,562</b>	<b>265,250</b>			<b>265,250</b>	-
1	Khu tái định cư và dân cư Nam Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Lạng Sơn				331,562			331,562	265,250			265,250	Đang thực hiện
<b>II</b>	<b>NGÀNH GIAO THÔNG</b>				<b>472,970</b>			<b>472,970</b>	<b>472,970</b>			<b>472,970</b>	
2	Đường Chu Văn An, thành phố Lạng Sơn (đoạn từ Lê Lợi đến Lý Thái Tổ)				150,000			150,000	150,000			150,000	
3	Đường Mai Pha - Quảng Lạc				322,970			322,970	322,970			322,970	

